

Số:147/2022/QĐST-HNGĐ.

N, ngày 23 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Dân sự thụ lý số 104/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2022 và thụ lý bổ sung số 104A/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2022, về việc “*Ly hôn, chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn*” giữa:

-*Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Văn A**—sinh năm 1963.

-*Bị đơn*: Bà **Huê Thị K**—sinh năm 1959.

-*Người liên quan*:

+Anh Nguyễn T—sinh năm 1984;

+Anh Nguyễn Trung T1—sinh năm 1986;

+Anh Nguyễn Trung H—sinh 1991;

+Anh Nguyễn Trung T2—sinh 1996.

Cùng trú tại: Thôn T, xã P, Huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

+Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân T3 –Trưởng phòng KHKD của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh Huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 15 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 15 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07(*bảy*) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn A và bà Huê Thị K.

2.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

-*Về con chung*: Các con đã trưởng thành, lao động tự túc được.

-*Về tài sản chung*: Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 928336, do Ủy ban nhân dân Huyện N cấp ngày 28/4/1999 cho hộ ông Nguyễn Văn A; Căn cứ bản trích lục, đo vẽ chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận-Chi nhánh Huyện N.

Tổng tài sản chung của ông Nguyễn Văn A, bà Huê Thị K à 266.682.000 đồng và mỗi người sẽ được nhận là 133.341.000đồng (*một trăm ba mươi ba triệu, ba trăm bốn mươi một ngàn đồng*). Cách tính tài sản chung theo giá nhà nước:

[{Đất ở nông thôn ($629\text{m}^2 \times 115,000\text{đồng}/\text{m}^2$) + Đất nông nghiệp ($4.533\text{m}^2 : 6 \times 2 \times 42.000\text{đồng}/\text{m}^2$) + Tài sản trên đất ở $130.885.000\text{đồng}$ = $266.682.000\text{đồng} : 2$ người = $133.341.000\text{đồng}$ }].

Các đương sự cùng thỏa thuận và thống nhất cách phân chia tài sản chung và nợ chung cụ thể:

-Bà Huê Thị K được quyền quản lý, sử dụng đất nông nghiệp thuộc thửa số 461 diện tích 1.791m^2 và thửa số 468 diện tích 1.391m^2 , tờ bản đồ địa chính số 10 của Ủy ban nhân dân xã P, trị giá $(1.791\text{m}^2 + 1.391\text{m}^2) \times 42.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 133.644.000\text{đồng}$.

Bà Huê Thị K được quyền quản lý, sử dụng đất ở nông thôn thuộc thửa số 115 diện tích 434m^2 , tờ bản đồ 14c của Ủy ban nhân dân xã P, trị giá $434\text{m}^2 \times 115.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 49.910.000\text{đồng}$.

Bà Huê Thị K được quyền sở hữu các tài sản trên thửa đất số 115, tổng trị giá 130.885.000đồng, trong đó gồm:

*Nhà ở: diện tích $92,6\text{m}^2$, kết cấu móng xây đá chẻ, tường xây gạch tô quét sơn, nền xi măng, mái ngói cửa gỗ, nhà một tầng, chiều cao dưới 3m, trị giá $92,6\text{m}^2 \times 3.500.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 35\% = 113.435.000\text{đồng}$;

*Mái che: diện tích 14m^2 , kết cấu nền xi măng, mái tôn kẽm, trụ sắt, vì kèo sắt, trị giá $14\text{m}^2 \times 741.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 35\% = 3.631.000\text{đồng}$;

*Sân xi măng: diện tích $80,5\text{m}^2$, trị giá $80,5\text{m}^2 \times 177.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 35\% = 4.987.000\text{đồng}$;

*Nhà vệ sinh: diện tích $3,78\text{m}^2$, kết cấu móng xây đá chẻ, tường xây gạch ốp men, nền gạch bông, mái tôn cửa tôn, trị giá $3,78\text{m}^2 \times 3.500.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 40\% = 5.292.000\text{đồng}$;

*Chuồng heo: diện tích $16,24\text{m}^2$, kết cấu móng xây đá chẻ, nền xi măng, tường xây gạch cao 1m, trụ xây gạch, mái tôn, trị giá $16,24\text{m}^2 \times 872.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 25\% = 3.540.000\text{đồng}$.

Cộng giá trị các thửa đất và tài sản trên đất mà bà Huê Thị K được nhận là: 314.439.000đồng (*Ba trăm mười bốn triệu, bốn trăm ba mươi chín ngàn đồng*).

-Ông Nguyễn Văn A được quyền quản lý, sử dụng đất nông nghiệp thuộc thửa số 472, diện tích 1.351m^2 , tờ bản đồ địa chính số 10 của Ủy ban nhân dân xã P, trị giá: $1.351\text{m}^2 \times 42.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 56.742.000\text{đồng}$.

Ông Nguyễn Văn A được quyền quản lý, sử dụng đất ở nông thôn thuộc thửa số 115a, diện tích 195m^2 , tờ bản đồ 14c của Ủy ban nhân dân xã P, trị giá: $195\text{m}^2 \times 115.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 22.425.000\text{đồng}$.

Cộng giá trị các thửa đất ông Nguyễn Văn A được nhận là 79.167.000đồng (*Bảy mươi chín triệu, một trăm sáu mươi bảy ngàn đồng*).

Sau khi trừ giá trị phần diện tích đất nông nghiệp của các con, đồng ý để cho bà Huê Thị K quản lý $(4.533\text{m}^2 : 6 \times 4) \times 42.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 126.924.000\text{đồng}$. Bà Huê Thị K còn phải hoàn trả lại giá trị chênh lệch chia tài sản chung cho ông Nguyễn

Văn A là 54.174.000đồng (*Năm mươi bốn triệu, một trăm bảy mươi bốn ngàn đồng*).
Cách tính: (314.439.000đồng - 126.924.000đồng - 133.341.000đồng).

Bà Huê Thị K và ông Nguyễn Văn A có nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền tiến hành thủ tục kê khai, tách thửa theo quy định của pháp luật.

Các thửa đất nêu trên có vị trí tứ cận, cự ly các cạnh, các điểm theo bản trích lục, đo vẽ chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận-Chi nhánh Huyện N và đều tọa lạc tại thôn T, xã P, Huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

-Về nợ chung:

Bà Huê Thị K có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền nợ vay gốc là 65.000.000 đồng (*Sáu mươi lăm triệu đồng*).

Ông Nguyễn Văn A có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền nợ vay gốc là 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

Bà Huê Thị K và ông Nguyễn Văn A còn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho vay, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc tương ứng.

Tiếp tục duy trì thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 928336, do UBND Huyện N cấp ngày 28/4/1999 cho hộ ông Nguyễn Văn A, để đảm bảo cho việc thi hành án.

-Về chi phí tố tụng:

Tổng chi phí thẩm định, định giá tài sản và trích lục đo đạc thực tế là 9.000.000đồng. Ông Nguyễn Văn A và bà Huê Thị K, mỗi người phải chịu ½ chi phí thẩm định, định giá tài sản, trích lục là 4.500.000đồng. Do ông Nguyễn Văn A đã đóng tạm ứng chi phí 9.000.000đồng (*chín triệu đồng*), nên bà Huê Thị K có trách nhiệm phải hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn A chi phí thẩm định, định giá, trích lục là 4.500.000đồng (*Bốn triệu, năm trăm ngàn đồng*).

-Về án phí:

Ông Nguyễn Văn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) là 150.000đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*) và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về chia tài sản chung, nợ chung) là 3.959.000đồng (*Ba triệu, chín trăm năm mươi chín ngàn đồng*).
Cách tính: [(133.341.000đồng + 25.000.000đồng) x 2.5%].

Ông Nguyễn Văn A được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0002406 ngày 17/3/2022 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.425.000đồng (*Bảy triệu, bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0002411 ngày 18/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn A số tiền chênh lệch là 3.616.000đồng (*Ba triệu, sáu trăm mười sáu ngàn đồng*).
Cách tính: [(300.000đồng + 7.425.000đồng) - (150.000đồng + 3.959.000đồng)].

Bà Huê Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về chia tài sản chung, nợ chung) là 6.508.000đồng (*sáu triệu, năm trăm linh tám ngàn đồng*). Cách tính [(133.341.000đồng + 126.924.000đồng + 65.000.000đồng) x 2.5%].

Bà Huê Thị K được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000đồng (*hai triệu đồng*) theo biên lai thu số 0002522 ngày 25/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Bà Huê Thị K còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 4.508.000đồng (*bốn triệu, năm trăm linh tám ngàn đồng*).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

(Kèm theo trích lục, đo vẽ chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính ngày 05/12/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận-Chi nhánh Huyện N).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND Huyện N;
- Chi cục THADS Huyện N;
- UBND xã Phước Thái;
- Lưu (AV, HS)/.

THẨM PHÁN

Dương Thị Xuân Thủy